TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/DS - ST
Ngày 17 - 7 - 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền và ông Hoàng Văn Tấn.

Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 170/2026/QĐ-DS ngày 06/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm T, thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

CCCD số: 024082010361; Cấp ngày: 17/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn G, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm Đ, thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa trình bày:

Anh Nguyễn Văn H và anh Huỳnh Văn G có mối quan hệ quen biết do là người cùng thôn. Trong khoảng thời gian ngày 26/4/2018 đến ngày 05/01/2018 ông H có cho ông G vay số tiền tổng cộng là 110.000.000đ. cụ thể:

Làn 1: Ngày 26/4/2018 anh H cho anh G vay số tiền là 30.000.000đ, có lập giấy vay tiền do anh G viết và ký, có thoả thuận thời hạn vay là 20 ngày.

Lần 2: Ngày 05/01/2019 anh H cho anh G vay số tiền là 80.000.000đ. có lập giấy vay tiền do anh G viết và ký, có thoả thuận thời hạn vay là 15 ngày.

Anh cho anh G vay là vay lãi. Lãi suất không ghi vào trong giấy vay nhưng có thoả thuận ngoài là 1,5%/tháng nhưng tại phiên toà anh H trình bày thoả thuận lãi ngoài là 2%/tháng.

Từ khi vay đến nay anh G chưa trả anh H một đồng tiền gốc nào.

Về lãi suất: Kể từ ngày vay đến nay anh G đã trả cho anh H làm 8 lần tổng cộng là 40.000.000đ lần như sau:

+ Ngày 13/10/2023 anh G trả anh số tiền 10.000.000 đồng.

+ Ngày 9/12/2023 anh G trả anh số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Ngày 6/4/2024 anh G trả anh số tiền là 4.000.000 đồng.

+ Ngày 03/7/2024 anh G trả anh số tiền là 6.000.000 đồng.

+ Ngày 26/11/2024 anh G trả anh số tiền là 3.000.000 đồng.

+ Ngày 26/3/2025 anh G trả anh số tiền là 3.000.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2025 anh G trả anh số tiền là 2.000.000 đồng.

+ Ngày 17/9/2025 anh G trả anh số tiền là 2.000.000 đồng.

Anh H xác định số tiền 40.000.000 đồng anh nhận được do anh G trả anh là tiền lãi.

Về lãi suất: Anh H đề nghị tính lãi suất từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày toà án xét xử sơ thẩm nhân với lãi suất 10%/năm:

Đối với khoản vay vay 30.000.000đ vay ngày 26/4/2018 anh H yêu cầu tính lãi từ ngày 17/5/2019. Cụ thể như sau: 30.000.000 đồng x (10%/năm; 0,83%/tháng) x (7 năm 2 tháng) = 21.498.000 đồng.

Đối với khoản vay vay 80.000.000đ vay ngày 05/01/2019 anh H yêu cầu tính lãi từ ngày 21/01/2019 đến 17/07/2026 80.000.000 đồng x (10%/năm; 0,83%/tháng) x (7 năm 5 tháng 26 ngày) = 59.881.600 đồng

Tổng cộng lãi vay là: 81.379.600 đồng

Tiền lãi vay sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả là: 81.379.600 đồng - 40.000.000đ = 41.379.600 đồng.

Tại phiên toà anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh G phải trả cho anh H tổng cộng số tiền gốc, lãi là: 110.000.000 đồng + 41.379.600 đồng = 151.379.600 đồng.

Bị đơn anh Huỳnh Văn G có mặt tại phiên toà trình bày:

Anh Huỳnh Văn G và anh Nguyễn Văn H có mối quan hệ quen biết, là người cùng thôn. Do nhu cầu cá nhân, anh đã vay anh H làm 2 lần với tổng số tiền là 110.000.000đ.

Lần 1: ngày 26/4/2018 anh có vay anh H số tiền 30 triệu đồng. Việc vay mượn có lập giấy biên nhận vay tiền để ngày 26/4/2018 dương lịch, tức ngày

20/11/2018 âm lịch. Thời hạn trả trong giấy biên nhận là 20 ngày, quá trình giải quyết vụ án anh G khai hai vay không có lãi, tại phiên toà anh thừa nhận anh vay anh H là vay lãi với lãi suất 6%/tháng.

Lần 2: Ngày 05/01/2019 dương lịch, tức ngày 30/11/2018 âm lịch, anh có vay anh H số tiền 80.000.000 đồng, việc vay mượn được lập bằng giấy biên nhận vay tiền để ngày 05/01/2019 dương lịch, tức ngày 30/11/2018 âm lịch. Thời hạn trả trong giấy biên nhận là 15 ngày.

Quá trình giải quyết vụ án anh G khai hai vay không có lãi, tại phiên toà anh thừa nhận anh vay anh H là vay lãi với lãi suất 6%/tháng. anh G đã trả anh H vào gốc vay tổng số tiền là 40 triệu đồng, lần lượt như sau:

+ Ngày 13/10/2023 anh trả anh H số tiền 10.000.000 đồng.

+ Ngày 9/12/2023 anh trả anh H số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Ngày 6/4/2024 anh trả anh H số tiền là 4.000.000 đồng.

+ Ngày 03/7/2024 anh trả anh H số tiền là 6.000.000 đồng.

+ Ngày 26/11/2024 anh trả anh H số tiền là 3.000.000 đồng.

+ Ngày 26/3/2025 anh trả anh H số tiền là 3.000.000 đồng.

+ Ngày 15/7/2025 anh trả anh H số tiền là 2.000.000 đồng.

+ Ngày 17/9/2025 anh trả anh H số tiền là 2.000.000 đồng.

Tại phiên toà anh G xác nhận anh chỉ còn nợ anh H số tiền Gốc là 70 triệu đồng. Về lãi suất: anh đồng ý trả anh H lãi suất là 10%/năm nhân với số tiền gốc chưa trả.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành thu thập lời khai của bà Phạm Thị N, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh là vợ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có ý kiến như sau: Giữa ông H và ông H và ông G có mối quan hệ là hàng xóm của nhau. Việc vay mượn giữa ông H và ông G thế nào thì bà N không nắm được do ông H và ông G vay mượn cá nhân không hỏi ý kiến hay thông báo gì với bà N. Tiền cho vay là tiền do ông H đi vay mượn để cho vay không liên quan gì đến bà. Nay bà đề nghị Toà án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

Toà án tiến hành thu thập lời khai của bà Đặng Thị T, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Bắc Ninh là vợ của bị đơn ông Huỳnh Văn G có ý kiến như sau: Việc vay mượn giữa ông H và ông G là vay riêng không liên quan gì tới bà T; tiền vay không sử dụng vào việc chung của gia đình. Nay bà đề nghị Toà án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy

định. Bị đơn còn vắng mặt tại khi Toà án triệu tập đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Toà án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 357, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H với bị đơn ông Huỳnh Văn G.

Buộc ông Huỳnh Văn G phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tổng cộng là 151.379.600đ (một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy chín nghìn sáu trăm đồng); trong đó gốc vay là 110.000.000đ, lãi là 41.379.600đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại xã H, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên Hội đồng xét xử xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 151.379.600đ trong đó gốc vay là 110.000.000đ, lãi là 41.379.600đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông H khởi kiện căn cứ vào 2 giấy vay tiền:

Giấy vay Ngày 05/01/2019 dương lịch, tức ngày 30/11/2018 âm lịch, anh G vay anh H số tiền 80.000.000 đồng, Thời hạn trả trong giấy biên nhận là 15 ngày, không thỏa thuận lãi suất.

Giấy vay ngày 26/4/2018 dương lịch, tức ngày 20/11/2018 âm lịch. Thời hạn trả trong giấy biên nhận là 20 ngày, không thỏa thuận lãi suất.

Tại phiên toà anh G xác nhận anh chỉ còn nợ anh H số tiền Gốc là 70 triệu đồng. Về lãi suất: anh đồng ý trả anh H lãi suất là 10%/năm nhân với số tiền gốc chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc cho vay hai bên có lập thành văn bản, các bên cho vay là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Về gốc vay: anh G thừa nhận có vay anh H số tiền 110.000.000đ, xác nhận vay lãi nên có căn cứ buộc anh G phải trả anh H số tiền gốc vay là 110.000.000đ.

Về lãi suất: cả anh H và anh G đều thừa nhận cho vay có lãi suất. anh H khai nhận cho vay với lãi suất 2%/tháng; anh G khai nhận anh vay với lãi suất 6%/tháng. Anh H yêu cầu anh G phải trả lãi với lãi suất là từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày toà án xét xử sơ thẩm nhân với lãi suất 10%/năm:

Đối với khoản vay vay 30.000.000đ vay ngày 26/4/2018 anh H yêu cầu tính lãi từ ngày 17/5/2019. Cụ thể như sau: 30.000.000 đồng x (10%/năm; 0,83%/tháng) x (7 năm 2 tháng) = 21.498.000 đồng.

Đối với khoản vay vay 80.000.000đ vay ngày 05/01/2019 anh H yêu cầu tính lãi từ ngày 21/01/2019 đến 17/07/2026 80.000.000 đồng x (10%/năm; 0,83%/tháng) x (7 năm 5 tháng 26 ngày) = 59.881.600 đồng

Tổng cộng lãi: 81.379.000đ. Tổng tiền lãi vay sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả là: 41.379.600 đồng.

Do tại phiên toà anh G thừa nhận là mình vay anh H là vay lãi nhưng do trước khi trả anh có thoả thuận lại với anh H là trả vào gốc vay nhưng anh H không thừa nhận. anh G không có căn cứ để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc anh H phải trả cho anh G Tổng cộng số tiền gốc, lãi anh G phải trả cho anh H là: 110.000.000 đồng + 41.379.600 đồng = 151.379.600 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 357, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H với bị đơn ông Huỳnh Văn G.

Buộc ông Huỳnh Văn G phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tổng cộng là 151.379.600đ (một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy chín nghìn sáu trăm đồng); trong đó gốc vay là 110.000.000đ, lãi là 41.379.600đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn G phải chịu 7.568.980 đồng (Bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H 4.225.000 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001585 ngày 02/3/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường